

Bản án số: 72/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 26 / 7 /2017

V/v tranh chấp: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Ngọc Hiếu**
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Phan Thị Đẹp**
2. Bà **Phạm Thị Ngọc Triều**
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Trọng**
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho: Bà **Lê Phương Hồng**
Liên-Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 322/2017/TLST-HNGĐ ngày 22/5/2017 về tranh chấp: “Xin ly hôn”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Cần Thị Thanh T**, sinh năm 1965 (có mặt)

Địa chỉ: 2/8, đường Đ, KP.4, Phường 8, TP.MT, Tiền Giang

* Bị đơn: **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1963 (có mặt)

Địa chỉ: 2/8, đường Đ, KP.4, Phường 8, TP.MT, Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn chị **Cần Thị Thanh T** trình bày: chị và anh **Nguyễn Văn H** chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1985, đến năm 2002 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 8, thành phố MT. Chị và anh H có 02 con chung tên **Cần Văn D**, sinh ngày 19/11/1987 và **Nguyễn Phi H**, sinh ngày 07/3/2002. Trong quá trình chung sống đến năm 2014 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H thường hay ghen tuông kiểm chuyện và đe dọa chị nhiều lần, chị có báo Công an phường 8 hai lần và anh H bị xử phạt vi phạm hành chính về việc gây rối trật tự công cộng. Vào tháng 5 năm 2017 anh H tự ý bỏ nhà đi cho đến nay.

Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: do cháu D đã trưởng thành nên chị không yêu cầu. Còn cháu H chị đồng ý giao cháu H cho anh H nuôi dưỡng, chị đồng ý cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh **Nguyễn Văn H** trình bày: anh thống nhất như phần trình bày của chị T về quá trình hôn nhân, con chung và nguyên nhân mâu thuẫn như phía chị T trình bày. Anh thừa nhận có rượt đuổi đe dọa chị T 02 lần nhưng không có đánh chị

T. Nay anh nhận thấy được sai trái của mình nên anh hứa sửa đổi để hàn gắn hạnh phúc gia đình. Do đó nay chị T xin ly hôn anh không đồng ý.

Trường hợp Tòa án xử cho ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi cháu H, yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho phát biểu: Từ khi thụ lý vụ kiện và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều đã thực hiện đúng qui định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng qui định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: mâu thuẫn giữa anh H và chị T đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn. Nay chị T xin ly hôn là có căn cứ.

Chị T và anh H thống nhất để anh H nuôi cháu H, chị Thảo cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng, từ ngày 01/8/2017 đến khi cháu H đủ 18 tuổi, đây là sự thỏa thuận tự nguyện của hai bên và thỏa thuận này cũng phù hợp với qui định của pháp luật nên đề nghị ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Cấn Thị Thanh T và anh Nguyễn Văn H chung sống với nhau vào năm 1985, đến ngày 17/10/2002 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 8, thành phố MT. Chị T và anh H có 02 con chung tên Cấn Văn D, sinh năm 1987 và Nguyễn Phi H, sinh năm 2002.

Theo chị T trình bày nguyên nhân mâu thuẫn do anh H hay ghen, kiếm chuyện đe dọa chị. Anh H thì thừa nhận nguyên nhân này.

Xét thấy, chị T và anh H xảy ra mâu thuẫn từ năm 2014 cho đến nay, nguyên nhân chính do anh H hay ghen tuông kiếm chuyện cự cãi và đe dọa chị T. Tại bản cam kết ngày 05/5/2015 anh H hứa sửa đổi tính tình nhưng anh H không sửa đổi mà anh H lại nhậu say về nhà kiếm chuyện với chị T gây mất trật tự công cộng và bị xử phạt vi phạm hành chính hai lần vào năm 2016. Qua đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh H đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn. Nay chị T xin ly hôn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: anh H và chị T có 02 con chung là cháu D và cháu H. Do cháu D đã trưởng thành hai bên không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Đối với cháu H thì anh H và chị T thống nhất giao cháu H cho anh H nuôi dưỡng và cháu H cũng có nguyện vọng sống với anh H nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: anh H và chị T thống nhất mức cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng, kể từ ngày 01/8/2017 đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Xét thấy sự thỏa thuận này là tự nguyện và phù hợp với qui định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: hai bên khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 468 Bộ luật dân sự.

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: 1/ Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Cấn Thị Thanh T được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

2/ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phi H, sinh ngày 07/3/2002 cho anh H nuôi dưỡng.

Chị T có quyền tới lui thăm con, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng, kể từ ngày 01/8/2017 đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị T chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3/ Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

4/ Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

5/ Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Chị T đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 31940 ngày 22/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố MT nên còn phải nộp 300.000 đồng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*** Nơi nhận:**

- VKSND TP.MT;
- UBND phường 8 (kết hôn năm 2002);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Võ Ngọc Hiếu

